

Số: **845/STNMT-ĐĐBĐ**
V/v vương mắc trong phân cấp quản lý
đo đạc bản đồ

Lai Châu, ngày 29 tháng 8 năm 2017

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013; các Nghị định: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết về thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 45/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về hoạt động đo đạc và bản đồ; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai; các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đo đạc và bản đồ. Mặt khác theo Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 của UBND tỉnh quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu, trong đó bổ sung chức năng nhiệm vụ về công tác quản lý viễn thám. Do đó Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND ngày 16/7/2013 của UBND tỉnh “Quy định quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Lai Châu” không còn phù hợp.

Sở Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng dự thảo Quyết định của UBND tỉnh quy định về hoạt động đo đạc, bản đồ và viễn thám trên địa bàn tỉnh Lai Châu gửi Sở Tư pháp thẩm định trước khi trình UBND tỉnh ban hành, nhưng Sở Tư pháp cho rằng: Nội dung quy định tại điểm b khoản 4 Điều 10 trong dự thảo không phù hợp với quy định của Thông tư liên tịch số 50/2014/TTLT-BTNMT-BNV ngày 28/8/2014 (có gửi dự thảo quy định và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp kèm theo). Thực tế trên địa bàn các tỉnh có rất nhiều dự án phải lập thiết kế kỹ thuật dự toán về đo đạc bản đồ và đã thực hiện quy định này từ nhiều năm nay; việc phân cấp cho phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện thẩm định vừa giảm áp lực công việc tại Sở, cơ sở trực tiếp, quản lý theo dõi được dự án và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp địa phương.

Để đảm bảo phân cấp quản lý về lĩnh vực đo đạc bản đồ cho cấp huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường kính đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường sớm có ý kiến hướng dẫn cụ thể để Sở trình UBND tỉnh ban hành “Quy định về hoạt động đo đạc, bản đồ và viễn thám trên địa bàn tỉnh Lai Châu”. /s. (17/8/17)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (B/c);
- Lưu: VT, ĐBV.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



ĐỖ VĂN XIÊNG

Đc Xiej

UBND TỈNH LAI CHÂU
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 643 /STP-XD&KTrVB

Lai Châu, ngày 23 tháng 8 năm 2017

V/v thẩm định dự thảo văn bản của UBND tỉnh

do Sở Tài nguyên và Môi trường soạn thảo

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	
TỈNH LAI CHÂU	
Số: 3995
Ngày: 25/8
Chuyên: ĐPN

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu

Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu nhận được Công văn số 778/STNMT-ĐBV của Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị thẩm định dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định về hoạt động đo đạc, bản đồ và viễn thám trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Sau khi nghiên cứu sơ bộ dự thảo văn bản do quý cơ quan soạn thảo, Sở Tư pháp nhận thấy: Nhằm tăng cường công tác quản lý hoạt động đo đạc, bản đồ và viễn thám trên địa bàn tỉnh Lai Châu thì việc ban hành quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định về hoạt động đo đạc, bản đồ và viễn thám trên địa bàn tỉnh Lai Châu là cần thiết.

Tuy nhiên, Hồ sơ dự thảo do quý cơ quan soạn thảo gửi Sở Tư pháp thẩm định còn có một số nội dung cần được quý cơ quan tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện như sau:

- Thứ nhất, về Hồ sơ dự thảo văn bản:

Theo quy định tại Điều 130 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 thì Hồ sơ dự thảo do quý cơ quan soạn thảo gửi Sở Tư pháp thiếu một số thành phần hồ sơ như: bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý của các tổ chức, cá nhân... nên chưa đủ điều kiện để Sở Tư pháp thẩm định.

- Thứ hai, đối với nội dung của dự thảo văn bản:

Nội dung quy định tại Điều 10 dự thảo Quy định kèm theo Quyết định có những nội dung quy định không phù hợp với quy định của cơ quan nhà nước cấp trên như: quy định tại điểm b khoản 4 Điều 10 giao trách nhiệm cho Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định thiết kế kỹ thuật về đo đạc và bản đồ là quy định không phù hợp với quy định của Thông tư liên tịch số 50/2014/TTLT-BTNMT-BNV ngày 28/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Đồng thời, quy định tại điểm c khoản 4 Điều 10 là quy định về thủ tục hành chính, do đó quý cơ quan cần tiến hành thực hiện việc đánh

giá tác động quy định về thủ tục hành chính theo quy định của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

Từ những vấn đề nêu trên, Sở Tư pháp đề nghị quý cơ quan tổ chức đánh giá tác động quy định về thủ tục hành chính, đồng thời hoàn thiện hồ sơ dự thảo văn bản gửi Sở Tư pháp thẩm định theo quy định của pháp luật.

Trên đây là ý kiến của Sở Tư pháp đối với dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định về hoạt động đo đạc, bản đồ và viễn thám trên địa bàn tỉnh Lai Châu do Sở Tài nguyên và Môi trường soạn thảo, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, hoàn thiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VP, XD&KTrVB.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Xuân Oánh

Số: /2017/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2017

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành quy định về hoạt động đo đạc, bản đồ và viễn thám
trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; số 173/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ; số 45/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính; Thông tư số 47/2014/TT-BTNMT, ngày 22/8/2014 quy định kỹ thuật thành lập bản đồ hành chính các cấp; Thông tư số 46/2015 ngày 30/10/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về chế độ báo cáo trong hoạt động đo đạc và bản đồ; Thông tư số 48/2015/TT-BTNMT ngày 12/11/ 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý cung cấp và khai thác sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ; Thông tư số 49/2015/TT-BTNMT ngày 12/11/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý sử dụng, bảo vệ công trình đo đạc và bản đồ; Thông tư số 63/2015/TT-BTNMT ngày 21/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ; Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT ngày 21/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về công tác giám sát kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BTNMT-BVHTT ngày 15/3/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Văn hoá - Thông tin về hướng dẫn quản lý hoạt động xuất bản bản đồ;

Căn cứ Thông tư số 196/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ;

Thông tư liên tịch số 50/2014/TTLT-BTNMT-BNV ngày 28/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố thuộc tỉnh;

Theo đề nghị của giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số... /TTr-STNMT ngày tháng năm 2017 và Báo cáo thẩm định số ... /BC-STP ngày...../...../2017 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý hoạt động đo đạc, bản đồ và viễn thám trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND ngày 16/7/2013 về việc ban hành “Quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Lai Châu”.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến hoạt động đo đạc, bản đồ và viễn thám trên địa bàn tỉnh Lai Châu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp; (Báo cáo)
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Website tỉnh Lai Châu;
- Như Điều 3;
- Trung tâm tin học- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT , TN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Dự thảo)

QUY ĐỊNH

Về hoạt động đo đạc, bản đồ và viễn thám trên địa bàn tỉnh Lai Châu

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2017/QĐ-UBND ngày / /2017 của
UBND tỉnh Lai Châu)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi

a) Quy định này quy định trách nhiệm và nội dung quản lý nhà nước về hoạt động đo đạc, bản đồ và viễn thám trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

b) Những nội dung không nêu trong quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành khác của pháp luật về hoạt động đo đạc, bản đồ và viễn thám.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động: đo đạc, bản đồ, viễn thám, xây dựng cơ sở dữ liệu có liên quan thông tin địa lý; việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc, bản đồ và viễn thám trên địa bàn tỉnh, trừ lĩnh vực quốc phòng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Đo đạc và bản đồ*: Là lĩnh vực hoạt động khoa học kỹ thuật sử dụng các thiết bị, phương pháp để thu nhận, xử lý thông tin nhằm xác định các đặc trưng hình học và các thông tin thuộc tính của các đối tượng địa lý ở mặt đất, lòng đất, mặt nước, lòng nước, đáy nước, khoảng không ở dạng tĩnh hoặc biến động theo thời gian và biểu thị bề mặt trái đất dưới dạng mô hình thu nhỏ bằng hệ thống ký hiệu theo các quy tắc toán học nhất định. Các loại bản đồ bao gồm: bản đồ địa hình, bản đồ nền, bản đồ địa chính, bản đồ hành chính, bản đồ biên, bản đồ hiện trạng và các loại bản đồ chuyên đề khác.

2. *Hệ quy chiếu*: Là hệ thống tọa độ toán học trong không gian và trên mặt phẳng để biểu thị lên đó các kết quả đo đạc và bản đồ. Hệ quy chiếu quốc gia là hệ quy chiếu được lựa chọn để sử dụng thống nhất trong cả nước.

3. *Hệ thống mốc tọa độ, độ cao cơ sở chuyên dụng phù trùm toàn tỉnh*: Là hệ thống mốc tọa độ, độ cao do tỉnh xây dựng theo quy chuẩn Quốc gia phục vụ công tác đo đạc và thành lập bản đồ trên địa bàn tỉnh.

4. Hệ thống bản đồ địa hình: Là các mảnh bản đồ địa hình, trên có thể hiện lãnh thổ tỉnh Lai Châu do cơ quan Nhà nước thành lập được xây dựng theo tiêu chuẩn Quốc gia thống nhất.

5. Sản phẩm đo đạc: Là kết quả thực hiện các thể loại đo đạc, công trình xây dựng đo đạc và các tư liệu thuyết minh kèm theo, dữ liệu đo và dữ liệu đã xử lý, không ảnh và không ảnh đã xử lý, các tư liệu điều tra khảo sát có liên quan.

6. Sản phẩm bản đồ: Là các loại sơ đồ, bình đồ, bản đồ, bản đồ ảnh,... được thành lập trên các vật liệu truyền thống hoặc trên các phương tiện kỹ thuật số.

7. Xuất bản bản đồ: Là hoạt động in ấn, phát hành bản đồ do các Nhà xuất bản phát hành theo quy định.

8. Ấn phẩm bản đồ: Là sản phẩm bản đồ được nhân bản trên giấy, trên các loại vật liệu khác hoặc nhân bản bằng kỹ thuật số.

9. Bản đồ hiện trạng: Là bản đồ phản ánh hiện trạng sử dụng đất tại thời điểm đo đạc, nội dung gồm: các yếu tố địa hình, ranh giới các thửa đất, chủ sử dụng đất; các chỉ giới về quy hoạch; ranh giới sử dụng đất theo các quyết định giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có). Bản đồ hiện trạng được lập để làm hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác xin chỉ giới đường đỏ, lập quy hoạch tổng mặt bằng, quy hoạch đô thị và nông thôn, công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và công nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh (nếu sử dụng bản đồ hiện trạng phục vụ công tác lập quy hoạch trong trường hợp bản đồ không phù hợp với hiện trạng tại thời điểm lập quy hoạch thì phải thực hiện đối soát, đo vẽ bổ sung).

10. Dữ liệu viễn thám: Là các dữ liệu ảnh thu nhận từ vệ tinh viễn thám.

11. Cơ sở dữ liệu đo đạc, bản đồ và viễn thám: Là hệ thống dữ liệu số gồm thành quả đo đạc, các loại bản đồ số, các loại ảnh hàng không, ảnh viễn thám của các cấp các ngành đã được kiểm tra, đánh giá, xử lý, tích hợp và lưu trữ một cách hệ thống có tổ chức dưới dạng tệp tin dữ liệu lưu trên các hệ thống tin học, các vật mang tin gồm các loại ổ cứng, băng từ, đĩa CD, DVD và các hình thức khác.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động đo đạc, bản đồ và viễn thám

1. Hoạt động đo đạc, bản đồ và viễn thám phải đảm bảo cung cấp dữ liệu địa lý phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, nâng cao dân trí và thúc đẩy tiến bộ xã hội.

2. Công trình xây dựng đo đạc là tài sản của Nhà nước, phải được sử dụng và bảo vệ theo quy định của pháp luật.

3. Các sản phẩm đo đạc và bản đồ do địa phương thực hiện tùy theo tình hình thực tế và nhu cầu sử dụng được cập nhật kịp thời để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

4. Việc thành lập các sản phẩm bản đồ chuyên ngành, cơ sở dữ liệu địa lý chuyên ngành phải sử dụng các lớp thông tin nền của bản đồ địa hình quốc gia, cơ sở dữ liệu địa lý quốc gia, bản đồ địa hình và cơ sở dữ liệu địa lý tỉnh Lai Châu.

5. Tổ chức, cá nhân được sử dụng sản phẩm đo đạc, bản đồ và viễn thám trên địa bàn tỉnh phải tuân thủ theo quy định của pháp luật.

6. Nghiêm cấm sử dụng các sản phẩm đo đạc, bản đồ và viễn thám không có nguồn gốc hợp pháp, sản phẩm do các tổ chức, cá nhân hoạt động đo đạc và bản đồ trái phép vào công tác quản lý và các dịch vụ công trên địa bàn tỉnh Lai Châu dưới mọi hình thức.

Điều 4. Kinh phí thực hiện hoạt động đo đạc, bản đồ và viễn thám

1. Kinh phí thực hiện các hoạt động đo đạc và bản đồ cơ bản, hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành, hoạt động viễn thám phục vụ yêu cầu quản lý của từng ngành hoặc từng địa phương do ngân sách nhà nước bảo đảm.

2. Kinh phí thực hiện hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành, hoạt động viễn thám phục vụ cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân do tổ chức, cá nhân tự bảo đảm.

Điều 5. Quyền lợi, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân

1. Quyền lợi

a) Tổ chức, cá nhân được thực hiện hoạt động đo đạc, bản đồ và viễn thám theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

b) Mọi tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng các sản phẩm đo đạc, bản đồ và viễn thám theo quy định của pháp luật và Quy định này;

c) Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ về đo đạc và bản đồ trong phạm vi pháp luật cho phép.

2. Nghĩa vụ

a) Tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ giữ gìn, bảo vệ các công trình, sản phẩm đo đạc, bản đồ và viễn thám theo quy định của pháp luật và Quy định này;

b) Chủ đầu tư thực hiện chi trả kinh phí đo đạc, kiểm tra, nghiệm thu và thẩm định; tổ chức, cá nhân khi khai thác sử dụng sản phẩm đo đạc, bản đồ và viễn thám phải trả phí và lệ phí theo quy định;

c) Nghiêm cấm các hoạt động đo đạc, bản đồ, viễn thám có nguy cơ gây hại hoặc gây hại cho quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

d) Không được mang ra khỏi lãnh thổ Việt Nam thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc loại Tối mật, loại Mật, loại không xuất bản trừ trường hợp đặc biệt được cơ quan có thẩm quyền quy định tại Pháp lệnh bảo vệ bí mật nhà nước cho phép.

d) Các tổ chức, cá nhân có giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ khi thực hiện hoạt động trên địa bàn tỉnh Lai Châu phải thông báo với Sở Tài nguyên và Môi trường những nội dung thực hiện.

Điều 6. Hoạt động đo đạc, bản đồ và viễn thám

Các hoạt động đo đạc, bản đồ và viễn thám trên địa bàn tỉnh, bao gồm:

1. Một số nhiệm vụ liên quan đo đạc và bản đồ về địa giới hành chính.
2. Bảo vệ, bảo trì hệ thống điểm đo đạc cơ sở quốc gia, điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng theo thẩm quyền.
3. Các hoạt động đo đạc, bản đồ và viễn thám phục vụ riêng cho yêu cầu quản lý của các ngành, các cấp, gồm:
 - a) Khảo sát, lập dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình đo đạc và bản đồ.
 - b) Thiết lập hệ thống lưới tọa độ, độ cao cơ sở chuyên dụng.
 - c) Xây dựng hệ thống bản đồ gồm: Bản đồ địa chính các tỷ lệ phục vụ công tác quản lý đất đai; bản đồ địa hình các tỷ lệ phục vụ mục đích chuyên dùng như: Đất đai, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, giao thông, xây dựng, thủy lợi, khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, thủy văn, môi trường; bản đồ hành chính các cấp; hệ thống bản đồ chuyên đề.
 - d) Khai thác, sử dụng dữ liệu viễn thám; đặt hàng, mua, trao đổi dữ liệu viễn thám; lưu trữ, bổ sung, cập nhật, công bố và cung cấp thông tin dữ liệu viễn thám.
 - đ) Xây dựng cơ sở dữ liệu GIS và viễn thám, cơ sở dữ liệu chuyên ngành có sử dụng bản đồ, cơ sở dữ liệu đất đai; cơ sở dữ liệu đo đạc, bản đồ và viễn thám dùng chung.
 - e) Khảo sát địa hình, đo đạc phục vụ thiết kế, thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.
 - f) Cắm mốc giới, khoanh vùng: Mốc địa giới hành chính, mốc quy hoạch xây dựng, mốc quy hoạch sử dụng đất, mốc lộ giới giao thông, mốc giải phóng mặt bằng, mốc ranh giới tài nguyên khoáng sản và các loại công trình khác theo quy định của nhà nước.
 - g) Đo đạc phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, khiếu nại, tố cáo và hỗ trợ công tác quản lý nhà nước.
 - h) In, phát hành các loại bản đồ tại địa phương.
4. Một số hoạt động đo đạc, bản đồ và viễn thám chuyên ngành phục vụ riêng cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân được pháp luật quy định.

Chương II

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ VÀ VIỄN THÁM

Điều 7. Quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ

1. Tổ chức, cá nhân khi tiến hành đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh phải có Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo đúng danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp; khi tiến hành thành lập, xuất bản và sử dụng sản phẩm đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh phải theo đúng quy định của Nhà nước.

2. Căn cứ vào yêu cầu kỹ thuật của từng công trình, chủ đầu tư phải lựa chọn tổ chức, đơn vị, cá nhân có tư cách pháp nhân, giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ và đủ năng lực để ký kết hợp đồng kinh tế hoặc giao nhiệm vụ để thi công công trình sản phẩm đo đạc và bản đồ.

3. Tổ chức, đơn vị, cá nhân khi hoạt động dịch vụ đo đạc và bản đồ quy định tại Điều 10, Nghị định 45/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ phải có giấy phép do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, phải thi công đúng dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật và dự toán hoặc phương án thi công được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện đúng quy phạm, quy trình đo đạc bản đồ và hợp đồng được ký kết; phải chịu sự giám sát và kiểm tra chất lượng của chủ đầu tư, của cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ.

4. Các sản phẩm đo đạc và bản đồ trước khi sử dụng làm tài liệu, hồ sơ quản lý Nhà nước phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu theo quy định.

5. Bản đồ phải ghi rõ cơ sở pháp lý, cơ sở toán học, nguồn gốc xuất xứ, được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận mới được lưu hành sử dụng. Nếu xuất bản phải có giấy phép theo quy định của Luật Xuất bản. Các loại bản đồ không có giấy phép xuất bản hoặc chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận thì không được sử dụng để giải quyết những công việc mang tính pháp lý.

6. Hệ thống điểm đo đạc cơ sở và hệ thống các loại bản đồ trên địa bàn tỉnh phải được thiết lập trên hệ quy chiếu và hệ tọa độ Nhà nước VN-2000, kinh tuyến trục $103^{\circ} 00'$, múi chiếu 3° . Những công trình đo đạc và bản đồ đã hoàn thành ở hệ quy chiếu và hệ tọa độ HN - 72 hoặc hệ tọa độ, độ cao chuyên ngành khác phải chuyển kết quả cuối cùng sang hệ quy chiếu và hệ tọa độ Nhà nước VN-2000, kinh tuyến trục $103^{\circ} 00'$, múi chiếu 3° .

Điều 8. Quản lý nhà nước về viễn thám

1. Xây dựng kế hoạch khai thác, mua, trao đổi sử dụng dữ liệu viễn thám;
2. Quản lý việc lưu trữ, cập nhật dữ liệu viễn thám.

Điều 9. Cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Tổ chức, cá nhân khi hoạt động dịch vụ đo đạc và bản đồ theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ phải có giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ do Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam cấp và chỉ được thực hiện những nội dung công việc theo giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ được cấp (trừ các hoạt động trích lục, trích đo do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất các cấp thực hiện).

2. Danh mục hoạt động dịch vụ đo đạc và bản đồ phải có giấy phép; trình tự, thủ tục thẩm định hồ sơ đề nghị cấp mới, cấp bổ sung, gia hạn, cấp lại giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ; thu hồi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ quy định tại Điều 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 của Nghị định số 45/2015/NĐ-CP.

Điều 10. Lập và thẩm định thiết kế kỹ thuật - dự toán về đo đạc và bản đồ

1. Chủ đầu tư sử dụng đơn vị trực thuộc hoặc thuê tổ chức có đủ điều kiện và năng lực để lập Thiết kế kỹ thuật-dự toán.

2. Việc khảo sát, lập Thiết kế kỹ thuật - dự toán đo đạc bản đồ địa chính thực hiện theo Điều 21 của Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; việc khảo sát, lập Thiết kế kỹ thuật - dự toán đo đạc bản đồ chuyên ngành theo hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành.

3. Trường hợp trích đo địa chính thửa đất, khu đất không phải lập thiết kế kỹ thuật - dự toán nhưng phải lập phương án thi công và được cơ quan quyết định đầu tư phê duyệt. Nội dung phương án thi công thực hiện theo Khoản 5 Điều 21 của Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT.

Trường hợp trích đo địa chính thửa đất để thực hiện đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận đối với các trường hợp đơn lẻ, thường xuyên hàng năm thì phải lập kế hoạch thực hiện hàng năm trình UBND cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Cơ quan thẩm định, phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - dự toán

a) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định các dự án, thiết kế kỹ thuật thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh phê duyệt (những dự án do cơ quan cấp tỉnh làm chủ đầu tư) và dự án, thiết kế kỹ thuật của các chủ đầu tư có sử dụng ngân sách nhà nước, gồm:

- Các dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán: Về đo đạc bản đồ địa chính các tỷ lệ; đo đạc bản đồ địa hình các tỷ lệ phục vụ công tác quản lý và quy hoạch; thăm dò khai thác khoáng sản, tài nguyên và môi trường, quy hoạch nông, lâm nghiệp, giao thông, thủy lợi; bản đồ hiện trạng thuộc cấp tỉnh quản lý;

- Thiết kế kỹ thuật - dự toán trích đo bản đồ địa chính: Khu đo hình tuyến có chiều dài trên 5 km; có quy mô diện tích trên 3 ha đối với khu vực nông thôn, trên 1 ha đối với khu vực đô thị, chỉnh lý bản đồ trên 200 thửa.

b) Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định các thiết kế kỹ thuật của các chủ đầu tư có sử dụng ngân sách nhà nước, gồm: Các khu đo

hình tuyến có chiều dài dưới 5 km; có quy mô diện tích dưới 3 ha đối với khu vực nông thôn, dưới 1 ha đối với khu vực đô thị, chỉnh lý bản đồ dưới 200 thửa.

c) Các tổ chức, cá nhân thực hiện đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh, không sử dụng kinh phí của Nhà nước phải lập kế hoạch hoặc dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán về đo đạc bản đồ báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường cùng với giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, được thẩm định chấp nhận phù hợp với quy định thì mới được triển khai.

d) Trong thời hạn 12 (mười hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan thẩm định phải hoàn thành việc thẩm định, gửi chủ đầu tư trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp không đủ điều kiện thì trả lại hồ sơ và có văn bản nêu lý do.

Điều 11. Kiểm tra nghiệm thu, thẩm định công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ

1. Trình tự, nội dung giám sát, kiểm tra, nghiệm thu công trình, sản phẩm đo đạc bản đồ thực hiện theo Thông tư số 63/2015/TT-BTNMT ngày 21/12/2015; đo đạc bản đồ địa chính theo Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT ngày 28/12/2016; công trình sản phẩm đo đạc chuyên ngành thực hiện theo dự án và các văn bản hướng dẫn chuyên ngành.

2. Chủ đầu tư sử dụng đơn vị trực thuộc hoặc thuê đơn vị tư vấn có đủ năng lực để kiểm tra nghiệm thu về chất lượng, khối lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ và phải chịu trách nhiệm toàn bộ về khối lượng, chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ trước cơ quan quyết định đầu tư. Lập báo cáo về kết quả kiểm tra nghiệm thu gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và ngành chủ quản để thẩm định hồ sơ kiểm tra, nghiệm thu các cấp, chất lượng sản phẩm đo đạc bản đồ trước khi ký xác nhận vào bản đồ theo quy định.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm đo đạc bản đồ địa chính, đo đạc bản đồ chuyên đề, hệ thống điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng trên phạm vi toàn tỉnh; các Sở, ngành chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm đo đạc bản đồ chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Quản lý và bảo vệ các công trình xây dựng đo đạc

1. Đối với công trình xây dựng đo đạc là tài sản của Nhà nước, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn và tuyên truyền giáo dục mọi công dân có ý thức bảo vệ.

2. Mọi tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ công trình xây dựng đo đạc, không được hủy hoại hoặc cản trở việc khai thác, sử dụng công trình xây dựng đo đạc; khi phát hiện công trình xây dựng đo đạc có khả năng bị xâm hại hoặc bị xâm hại phải báo cáo ngay cho UBND cấp xã nơi có công trình xây

dụng đo đạc biệt để có biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn kịp thời và xử lý theo thẩm quyền.

3. Mọi tổ chức, cá nhân không được tự sử dụng công trình xây dựng đo đạc nếu không được sự chấp thuận của Cục Đo đạc và Bản đồ (Bộ Tài nguyên và Môi trường) hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở chuyên ngành. Trong quá trình sử dụng phải giữ gìn bảo vệ dấu mốc đo đạc, không làm hư hỏng, sử dụng xong phải khôi phục lại như tình trạng ban đầu.

4. Sau khi hoàn thành việc xây dựng các dấu mốc đo đạc, đơn vị thực hiện phải thực hiện việc bàn giao dấu mốc kèm theo sơ đồ vị trí mốc tại thực địa cho Ủy ban nhân dân cấp xã với sự có mặt của chủ sử dụng đất nơi có đặt dấu mốc; sau khi hoàn thành dự án, chủ đầu tư phải bàn giao toàn bộ các dấu mốc kèm theo bản ghi chú điểm cho cơ quan quản lý khai thác sử dụng công trình xây dựng đo đạc theo phân cấp.

Điều 13. Quản lý, lưu trữ, cung cấp thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ

1. Việc quản lý, lưu trữ, cung cấp thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ thực hiện theo Thông tư số 49/2015/TT-BTNMT ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý sử dụng, bảo vệ công trình đo đạc và bản đồ.

2. Các cơ quan, ban, ngành của tỉnh có trách nhiệm quản lý, lưu trữ, cung cấp thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ chuyên dụng của ngành mình.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường là đơn vị cập nhật, lưu trữ và cung cấp thông tin tư liệu về hệ thống điểm đo đạc cơ sở, hệ thống bản đồ nền, bản đồ địa chính cơ sở, bản đồ địa chính, bản đồ địa hình, bản đồ hành chính, bản đồ chuyên đề; hệ thống thông tin địa lý và thông tin đất đai phục vụ cho mục đích chuyên dụng trên địa bàn tỉnh; bảo vệ và bảo mật tài liệu, hồ sơ theo quy định.

4. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng các nguồn tư liệu bản đồ hiện có đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả. Khi có nhu cầu khai thác, sử dụng công trình sản phẩm đo đạc bản đồ đề nghị liên hệ với Văn phòng đăng ký đất đai để được cung cấp thông tin theo quy định.

Điều 14. Quản lý xuất bản sản phẩm đo đạc và bản đồ

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế và cá nhân được phép thành lập các thể loại sản phẩm bản đồ phù hợp với giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ được cấp; được quyền phổ biến sản phẩm của mình trên các phương tiện theo quy định của pháp luật; sản phẩm bản đồ thuộc diện bảo mật chỉ được xuất bản và phát hành tại cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ để phục vụ mục đích dân dụng.

2. Tổ chức, cá nhân và cơ quan được liên kết với nhà xuất bản để xuất bản các thể loại sản phẩm bản đồ và được quyền phổ biến các sản phẩm của mình trên các phương tiện theo quy định tại Luật Xuất bản trừ các sản phẩm sau: Hệ

thống bản đồ địa hình quốc gia cho phân đất liền và vùng biển Việt Nam; Hệ thống bản đồ nền; Bản đồ hành chính Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và bản đồ hành chính cấp tỉnh; Bản đồ hành chính thế giới, châu lục, khu vực và từng nước trên thế giới; Bản đồ hiện trạng sử dụng đất toàn quốc, vùng; Atlas Quốc gia atlas địa lý tổng hợp toàn quốc, vùng; Nền cơ sở địa lý của hệ thống thông tin địa lý quốc gia.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu xuất bản bản đồ cần liên hệ với nhà xuất bản có tôn chỉ mục đích, chức năng nhiệm vụ xuất bản thể loại sản phẩm bản đồ phù hợp để thực hiện xuất bản; trình tự và thủ tục thực hiện theo quy định pháp luật về xuất bản hiện hành.

Trường hợp xuất bản sản phẩm bản đồ là tài liệu không kinh doanh mà không thực hiện qua nhà xuất bản thì phải được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp phép xuất bản. Hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp giấy phép xuất bản sản phẩm bản đồ là tài liệu không kinh doanh thực hiện theo quy định tại khoản 3, mục II, Thông tư liên tịch Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BTNMT-BVHTT ngày 15/3/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Văn hoá - Thông tin về hướng dẫn quản lý hoạt động xuất bản bản đồ.

4. Sản phẩm bản đồ xin xuất bản phải đạt các yêu cầu về kỹ thuật, mỹ thuật thể hiện nội dung và bảo đảm điều kiện quy định khoản 4, mục II, Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BTNMT-BVHTT ngày 15/3/2006.

5. Trên các xuất bản phẩm bản đồ phải ghi tỷ lệ, lưới chiếu bản đồ, hệ tọa độ, độ cao, thông tin về những tài liệu chính đã sử dụng để thành lập bản; Tên xuất bản phẩm bản đồ, tên nhà xuất bản hoặc cơ quan, tổ chức được phép xuất bản; Số xác nhận đăng ký xuất bản, số quyết định xuất bản của nhà xuất bản hoặc số giấy phép xuất bản của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản; số lượng in và địa chỉ cơ sở in.

Điều 15. Thanh tra, kiểm tra; giải quyết khiếu nại tố cáo

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về đo đạc và bản đồ theo quy định.

2. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo đối với các hành vi vi phạm pháp luật về đo đạc và bản đồ. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhận được đơn khiếu nại, tố cáo có trách nhiệm giải quyết theo đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 16. Xử lý vi phạm trong hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Các hành vi vi phạm trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ

a) Vi phạm quy định về giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ gồm các hành vi: không thực hiện quy định báo cáo khi có sự thay đổi người chịu trách nhiệm trước pháp luật hoặc người phụ trách kỹ thuật chính; thay đổi địa chỉ trụ sở chính; không làm thủ tục cấp lại Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ khi thay đổi tên của tổ chức; không duy trì các điều kiện theo quy định để được cấp

Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ trong quá trình hoạt động của tổ chức; hoạt động không đúng với nội dung của Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ; thực hiện hoạt động đo đạc và bản đồ trong thời gian bị tước quyền sử dụng Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ có thời hạn; sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ;

b) Vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ và sử dụng các công trình xây dựng đo đạc, gồm các hành vi: sử dụng các công trình xây dựng đo đạc mà không báo cáo với Ủy ban nhân dân cấp xã; chủ sử dụng đất, chủ sở hữu công trình hoặc chủ quản lý công trình nơi có điểm đo đạc cơ sở không thực hiện đúng trách nhiệm bảo vệ công trình xây dựng đo đạc, làm mất khả năng sử dụng của dấu mốc đo đạc cơ sở; dịch chuyển, xâm hại, phá hủy công trình xây dựng đo đạc;

c) Hành vi giả mạo số liệu đo đạc;

d) Vi phạm quy định về quản lý chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ, bao gồm các hành vi: không thực hiện việc kiểm định, kiểm nghiệm thiết bị thuộc diện phải kiểm định, kiểm nghiệm trước khi đưa vào sử dụng; kiểm tra kỹ thuật, thẩm định chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ không đầy đủ các hạng mục, mức kiểm tra theo quy định; làm sai lệch kết quả đánh giá về chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ; sử dụng phương tiện, thiết bị kiểm tra chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ không đạt yêu cầu về chỉ tiêu kỹ thuật theo quy định;

đ) Hành vi không thực hiện chế độ báo cáo trong hoạt động đo đạc và bản đồ theo quy định;

e) Hành vi không chấp hành quyết định kiểm tra; từ chối cung cấp thông tin liên quan đến việc kiểm tra hoạt động đo đạc và bản đồ của người có thẩm quyền, cơ quan có thẩm quyền;

g) Vi phạm quy định về cung cấp, khai thác, sử dụng và trao đổi quốc tế thông tin, tư liệu, dữ liệu sản phẩm đo đạc và bản đồ, bao gồm các hành vi: Hành vi sử dụng thông tin, tư liệu, dữ liệu sản phẩm đo đạc và bản đồ không nêu rõ nguồn gốc hợp pháp theo quy định; một trong các hành vi sản xuất và cung cấp các thông tin, tư liệu, dữ liệu sản phẩm đo đạc và bản đồ thể hiện không đúng đường biên giới quốc gia, chủ quyền, lãnh thổ, lãnh hải (bao gồm cả quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và các đảo khác) của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Mọi tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về đo đạc và bản đồ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Cán bộ, công chức nhà nước lợi dụng chức vụ, quyền hạn có hành vi vi phạm pháp luật về đo đạc và bản đồ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Thẩm quyền, hình thức và mức độ xử phạt vi phạm trong hoạt động đo đạc và bản đồ thực hiện theo Nghị định số 173/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ về Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 17. Chế độ báo cáo, trách nhiệm lập và nộp báo cáo tình hình hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Báo cáo trong hoạt động đo đạc và bản đồ được lập định kỳ mỗi năm một (01) lần, tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm. Ngoài việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ, tổ chức được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ có trách nhiệm báo cáo đột xuất về tình hình hoạt động đo đạc và bản đồ theo yêu cầu đó.

2. Chế độ báo, trách nhiệm lập và nộp báo cáo tình hình hoạt động đo đạc và bản đồ thực hiện theo Điều 3 Thông tư số 46/2015/TT-BTNMT ngày 30/10/2015.

3. Trách nhiệm lập và nộp báo cáo trong hoạt động đo đạc và bản đồ được quy định như sau:

a) Tổ chức được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm lập báo cáo theo Phụ lục số 01 Thông tư số 46/2015/TT-BTNMT ngày 30/10/2015. Báo cáo gửi Sở Tài nguyên và Môi trường chậm nhất vào ngày 10 tháng 01 hàng năm;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố báo cáo hiện trạng các công trình xây dựng đo đạc trên địa bàn theo Phụ lục số 04 Thông tư số 46/2015/TT-BTNMT ngày 30/10/2015. Báo cáo gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 01 hàng năm.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lập báo cáo theo Phụ lục số 03 Thông tư số 46/2015/TT-BTNMT ngày 30/10/2015. Báo cáo gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam trước ngày 20 tháng 01 hàng năm;

4. Cơ quan, tổ chức lập và nộp báo cáo phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, thông tin trong báo cáo.

Chương III

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ VỀ HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ VÀ VIỄN THÁM

Điều 18. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động đo đạc, bản đồ và viễn thám trên địa bàn tỉnh, có trách nhiệm:

1. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản, quy định, quản lý hoạt động đo đạc, bản đồ và viễn thám thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Xây dựng kế hoạch tổng thể về đo đạc và bản đồ địa chính trên địa bàn tỉnh đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả trình UBND tỉnh phê duyệt; trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch dài hạn, kế hoạch hàng năm về đo đạc, bản đồ và viễn thám của ngành và địa phương, đảm bảo không chồng chéo.

3. Tổ chức, quản lý việc triển khai các hoạt động đo đạc, bản đồ và viễn thám theo quy hoạch, kế hoạch; quản lý hệ thống tư liệu đo đạc và bản đồ trên toàn tỉnh; quản lý việc bảo mật, lưu trữ, cung cấp khai thác sử dụng thông tin tư liệu đo đạc, bản đồ và viễn thám; quản lý việc bảo vệ các công trình xây dựng đo đạc và bản đồ theo quy định.

4. Tổ chức xây dựng bộ đơn giá đo đạc và bản đồ địa chính, đơn giá xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính, chuyển Sở Tài chính thẩm định và trình UBND tỉnh ban hành để thống nhất áp dụng trên địa bàn toàn tỉnh.

5. Thẩm định Thiết kế kỹ thuật - Dự toán các dự án đo đạc và bản đồ; Thẩm định chất lượng, khối lượng, giá trị các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ theo quy định.

6. Thẩm định hồ sơ và đề nghị Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam cấp, cấp bổ sung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật.

7. Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm quản lý khối lượng, chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ của các chủ đầu tư; kiểm tra việc thực hiện quy định quản lý hoạt động đo đạc, bản đồ đối với tổ chức, cá nhân hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh.

8. Quản lý và tổ chức thực hiện việc xây dựng, cập nhật, khai thác hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật đo đạc và bản đồ; cập nhật, lưu trữ, công bố và cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh và các thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ do Bộ Tài nguyên và Môi trường bàn giao.

9. Theo dõi việc xuất bản, phát hành bản đồ và kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ phát hành, thu hồi các ấn phẩm bản đồ có sai sót về thể hiện chủ quyền quốc gia, địa giới hành chính, địa danh thuộc địa phương; ấn phẩm bản đồ có sai sót về kỹ thuật thuật hoặc có nội dung thuộc phạm vi nghiêm cấm theo quy định của Luật Xuất bản.

10. Chủ trì tổng hợp nhu cầu khai thác, sử dụng dữ liệu viễn thám của địa phương; đề xuất việc mua, trao đổi dữ liệu viễn thám trong nước và quốc tế trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

11. Quản lý, lưu trữ, bổ sung, cập nhật, công bố dữ liệu viễn thám và xây dựng cơ sở dữ liệu viễn thám của địa phương để cung cấp cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

12. Giải quyết hoặc thông báo cho Cục Đo đạc và bản đồ Việt Nam, cơ quan quản lý công trình xây dựng đo đạc trong trường hợp công trình xây dựng trên đất làm ảnh hưởng đến dấu mốc đo đạc để quyết định hủy bỏ, gia cố, hoặc di dời.

13. Tổng hợp, báo cáo hàng năm bằng văn bản với Ủy ban nhân dân tỉnh, Cục Đo đạc bản đồ Việt Nam về hoạt động đo đạc và bản đồ theo quy định.

Điều 19. Trách nhiệm các Sở, ngành

1. Trách nhiệm chung:

a) Các hoạt động đo đạc, thành lập bản đồ địa hình, bản đồ nền, bản đồ chuyên đề trên địa bàn tỉnh Lai Châu đều phải xây dựng thống nhất trên hệ tọa độ Nhà nước VN-2000, kinh tuyến trục $103^{\circ} 00'$, múi chiếu 3° theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật về đo đạc và bản đồ của Bộ, ngành chủ quản, các sở, ngành chuyên môn xây dựng văn bản hướng dẫn phù hợp với điều kiện của tỉnh, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định trước khi ban hành.

c) Trong phạm vi nhiệm vụ của mình các ban, ngành có nội dung đo đạc và bản đồ phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng chương trình, dự án và kế hoạch triển khai, đồng thời thống nhất về sản phẩm giao nộp đối với từng thể loại hoạt động đo đạc và bản đồ để lưu trữ theo Quy định.

d) Các Sở, ngành theo chức năng, nhiệm vụ được khai thác sử dụng thông tin tư liệu đo đạc chuyên ngành; đồng thời cung cấp thông tin tư liệu phục vụ các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ.

đ) Đối với các dự án đo đạc và bản đồ thuộc lĩnh vực chuyên ngành sử dụng nguồn ngân sách nhà nước, phải yêu cầu chủ đầu tư liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường để được khai thác, sử dụng nguồn tư liệu hiện có đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và không chồng chéo.

e) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chế phối hợp hoặc thành lập hội đồng thẩm định trong quá trình thực hiện các chương trình, đề án, dự án đo đạc và bản đồ được giao.

f) Căn cứ vào nhu cầu sử dụng dữ liệu viễn thám, hàng năm đăng ký cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường.

g) Rà soát tổng hợp địa danh các đối tượng địa lý tự nhiên và xã hội chưa được sử dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh và đề xuất với UBND tỉnh xem xét quyết định.

2. Sở Nội vụ:

a) Chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND cấp huyện và cấp xã xây dựng bản đồ điều chỉnh địa giới hành chính cấp huyện, xã theo quy định.

b) Theo dõi việc thể hiện đường ranh giới hành chính các cấp trên các loại bản đồ đang lưu hành sử dụng trên địa bàn tỉnh. Chủ trì và phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường giải quyết các tranh chấp đất đai liên quan đến địa giới hành chính theo phân cấp.

c) Lập nhật bổ sung những thay đổi về địa giới hành chính vào hệ thống hồ sơ và bản đồ địa giới hành chính tỉnh.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định các sản phẩm về bản đồ địa giới hành chính các cấp theo quy định.

đ) Bàn giao đầy đủ, kịp thời hệ thống hồ sơ và bản đồ địa giới hành chính các cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường, chính quyền địa phương quản lý sử dụng theo quy định.

3. Sở Xây dựng:

a) Quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, thẩm định và xác nhận chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ địa hình trên địa bàn tỉnh.

c) Bàn giao đầy đủ, kịp thời sản phẩm đo đạc và bản đồ địa hình, quy hoạch xây dựng đô thị, nông thôn và các quy hoạch khác cho Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý theo quy định.

d) Quản lý dấu mốc, cập nhật, lưu trữ và cung cấp thông tin tư liệu về hệ thống điểm đo đạc chuyên ngành, hệ thống bản đồ địa hình. Cung cấp thông tin tư liệu phục vụ các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ chuyên ngành.

4. Sở Tài chính:

a) Thẩm định bộ đơn giá đo đạc và bản đồ địa chính, đơn giá xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính; thẩm định Dự toán kinh phí các công trình đo đạc và bản đồ thực hiện bằng ngân sách nhà nước khi chưa có đơn giá để áp dụng và các hạng mục công việc chưa có định mức kinh tế kỹ thuật quy định.

b) Tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí đủ kinh phí để phục vụ cho các hoạt động đo đạc và bản đồ tại địa phương.

5. Sở Thông tin và Truyền thông: Có trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thẩm định hồ sơ, cấp giấy phép xuất bản bản đồ là tài liệu không kinh doanh cho các cơ quan, tổ chức Việt Nam đóng tại tỉnh.

Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố

1. Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UBND cấp xã thực hiện tốt công tác quản lý và triển khai hoạt động đo đạc và bản đồ tại địa phương theo quy định.

2. Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân tham gia bảo vệ các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ trên địa bàn.

3. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch dài hạn, kế hoạch hàng năm về đo đạc và bản đồ của địa phương, đảm bảo phù hợp với kế hoạch, dự án của Ủy ban nhân dân tỉnh và triển khai thực hiện sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

4. Khi phát hiện tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ, hoặc các hành vi xâm hại công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ phải có biện pháp ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền.

Điều 21. Trách nhiệm của Phòng Tài nguyên và Môi trường

1. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công tác quản lý nhà nước về đo đạc, bản đồ, viễn thám và triển khai hoạt động đo đạc, bản đồ, viễn thám tại địa phương theo quy định.

2. Bàn giao cho người được giao đất, thuê đất về các dấu mốc đo đạc đó có sẵn trên thửa đất và ghi vào biên bản bàn giao khi giao đất tại thực địa.

3. Tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật - dự toán theo quy định tại Điều 10. Kiểm tra, nghiệm thu khối lượng, chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ trên địa bàn khi có văn bản đề nghị của chủ đầu tư; phối hợp kiểm tra công trình đo đạc bản đồ với Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

4. Xem xét tại hiện trường và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về tình trạng cọc dấu mốc bị xâm hại hoặc có khả năng bị xâm hại trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo của Ủy ban nhân dân xã.

5. Tổ chức thực hiện việc cập nhật, chỉnh lý tài liệu bản đồ, hồ sơ theo quy định. Thực hiện chế độ báo cáo, trách nhiệm lập và nộp báo cáo tình hình hoạt động đo đạc và bản đồ, thực hiện theo Điểm đ Khoản 2 Điều 3 Thông tư 46/2015/TT-BTNMT.

Điều 22. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

1. Tổ chức quản lý, bảo vệ các công trình sản phẩm đo đạc và bản đồ; đồng thời tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân tham gia bảo vệ các công trình sản phẩm đo đạc và bản đồ trên địa bàn.

2. Tham gia kiểm tra công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ với phòng Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn xã theo quy định.

3. Ghi vào Sổ địa chính ở phần ghi chú về dấu mốc đo đạc trên thửa đất.

4. Khi phát hiện tổ chức cá nhân vi phạm các quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ hoặc về hành vi xâm hại công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ phải có biện pháp ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền và trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày làm việc phải báo cáo phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện về hiện trạng và nguyên nhân xâm hại dấu mốc đo đạc.

5. Đối với trường hợp phải di chuyển hoặc huỷ bỏ dấu mốc đo đạc, trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của chủ sử dụng đất hoặc chủ sở hữu công trình, Ủy ban nhân dân xã phải chuyển văn bản đến cấp có thẩm quyền quản lý công trình xây dựng đo đạc để giải quyết.

6. Tổ chức thực hiện việc cập nhật, chỉnh lý tài liệu bản đồ, hồ sơ theo quy định. Thực hiện chế độ báo cáo, trách nhiệm lập và nộp báo cáo tình hình hoạt động đo đạc và bản đồ, thực hiện theo Điểm đ Khoản 2 Điều 3 Thông tư 46/2015/TT-BTNMT.

Điều 23. Trách nhiệm của Chủ đầu tư

1. Tổ chức lập dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật - dự toán phù hợp với định mức, tiêu chuẩn kinh tế, kỹ thuật hiện hành.

2. Trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án, phương án đo đạc, bản đồ và viễn thám theo quy định.

3. Chỉ nghiệm thu các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ đã được cơ quan, đơn vị chuyên môn kiểm tra, xác nhận đạt yêu cầu chất lượng. Đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật về công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ đã nghiệm thu.

Điều 24. Trách nhiệm của Đơn vị tư vấn kiểm tra, nghiệm thu

1. Các đơn vị tư vấn có cấp giấy phép kiểm tra, nghiệm thu được chủ đầu tư thuê để thực hiện công tác kiểm tra, nghiệm thu khối lượng, chất lượng sản phẩm đo đạc bản đồ phải có trách nhiệm kiểm tra sản phẩm ngoại nghiệp, nội nghiệp theo trình tự và thủ tục đã được quy định trong dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán và theo quy trình, quy phạm chuyên ngành.

2. Lập đầy đủ các loại tài liệu trong hồ sơ kiểm tra, nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình sản phẩm đo đạc bản đồ theo quy định.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ đã kiểm tra, nghiệm thu.

Điều 25. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Chỉ được thực hiện các hợp đồng đo đạc và bản đồ phù hợp với nội dung được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, đảm bảo đúng yêu cầu kinh tế - kỹ thuật được quy định trong dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán và theo quy trình, quy phạm chuyên ngành.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, chủ đầu tư về chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ do đơn vị đã thực hiện.

3. Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ khi thực hiện hoạt động trên địa bàn tỉnh phải thông báo với Sở Tài nguyên và Môi trường.

4. Thực hiện chế độ báo cáo, trách nhiệm lập và nộp báo cáo tình hình hoạt động đo đạc và bản đồ, thực hiện theo Điểm a Khoản 2 Điều 3 Thông tư 46/2015/TT-BTNMT.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Điều khoản thi hành

1. Các Sở, Ban, Ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đo đạc, bản đồ và viễn thám trên địa bàn tỉnh Lai Châu có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy định này.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc đề nghị các sở, ngành, địa phương và các đơn vị, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đỗ Ngọc An